

MUA – Giá mục tiêu: VND 17,600

Định giá cổ phiếu ở mức 17,600 đồng, chúng tôi khuyến nghị mua cổ phiếu POW với các luận điểm chính: 1) Doanh nghiệp sản xuất điện hàng đầu Việt Nam với quy mô 4.200MW, sản lượng điện từ 18-21 tirkwh/năm; 2) Dự báo năm 2023 hiệu quả kinh doanh kỳ vọng tốt lên khi các nhà máy hoạt động ổn định trở lại, sản lượng điện dự báo tăng thêm từ 5.0-5.5 tỷ kwh; 3) Nhu cầu tiêu thụ điện vẫn được dự báo tăng trưởng từ 8-10% đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế giai đoạn 2022-2030.

Cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh

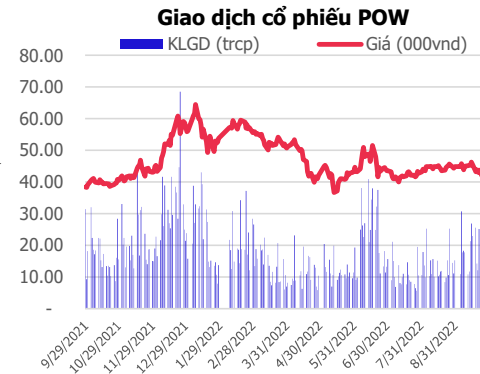
Sản lượng điện sản xuất 8 tháng đầu năm 2022 đạt 9.1 tỷ kwh, hoàn thành 66% kế hoạch cả năm và chỉ bằng 77% cùng kỳ 2021. Sản lượng giảm là do nhà máy nhiệt điện Vũng Áng 1 vẫn chỉ hoạt động 1 tổ máy, trong khi nhà máy Cà Mau 1 & 2 đạt mức rất thấp với 2.24 tỷ kwh. Doanh thu lũy kế 8 tháng đạt 18,540 tỷ đồng, thực hiện 76% kế hoạch cả năm, bằng 92% cùng kỳ năm trước. Sản lượng điện thấp nhưng doanh thu cao chủ yếu do giá bán điện tăng trong kỳ khi chi phí nhiên liệu tăng. Cho cả năm 2022, chúng tôi dự báo sản lượng điện đạt khoảng 14.6-14.8 tỷ kwh, doanh thu đạt 28,811 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 2,458 tỷ đồng, đạt 119% và 284% kế hoạch năm.

Trong năm 2023, chúng tôi dự báo hoạt động của công ty sẽ khả quan hơn khi nhu cầu điện cả nước dự báo vẫn tiếp tục tăng từ 8-10%, nhà máy Vũng Áng 1 sẽ khắc phục xong sự cố, sản lượng điện sản xuất dự báo sẽ tăng thêm từ 5.0-5.5 tỷ kwh, đưa hiệu quả kinh doanh của công ty tăng lên tốt hơn.

Điểm nhấn đầu tư

- TOP 5 doanh nghiệp sản xuất điện lớn Việt Nam:** hiện tại POW đang sở hữu 6 nhà máy điện với tổng công suất 4,205 MW, sản lượng điện hàng năm khoảng 20-22 tỷ kwh, chiếm 8% tổng nhu cầu thị trường. Chiến lược phát triển trong những năm tới POW sẽ đầu tư thêm các dự án nhiệt điện khí NT3&4 (1,500MW), Miền Trung 1&2 (1,500MW), LNG Cà Mau, LNG Quảng Ninh.
- Hiệu quả kinh doanh sẽ tiếp tục được cải thiện khi các nhà máy điện đi vào giai đoạn giảm mạnh chi phí khấu hao và nợ vay:** Các nhà máy Cà Mau 1 và 2, NT1 đã trả xong vốn vay đầu tư, chi phí tài chính và khấu hao giảm sẽ mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn trong những năm tới.
- Tiềm lực tài chính mạnh:** Tổng tài sản đến cuối Q2.2022 đạt 57,702 tỷ đồng, trong đó Tiền tương đương tiền và đầu tư tài chính (tiền gửi) đạt 7,135 tỷ đồng (12.4% Tổng tài sản). Nợ phải trả đạt 25,501 tỷ đồng (44.2% Tổng nguồn vốn), trong đó vay nợ ngắn và dài hạn là 8,742 tỷ đồng (15.2% Tổng nguồn vốn), đây là tỷ lệ vay nợ rất an toàn đối với doanh nghiệp phát điện lớn.
- Nhu cầu điện tiếp tục tăng lên trong những năm tới:** trong 8 tháng đầu năm 2022, tăng trưởng điện đạt 5% và dự kiến cả năm đạt mức 6%. Nhu cầu điện dự báo sẽ tiếp tục tăng từ 8%-10% trong những năm tới. Năm 2023 dự báo nhiệt điện sẽ được cải thiện khi điều kiện thủy văn sẽ hạn chế hơn so với 2022 do trạng thái La nina gây mưa nhiều có thể kết thúc từ đầu 2023.

Định giá: Kết hợp phương pháp định giá DCF và so sánh PE, PB, giá trị cổ phiếu POW được xác định ở mức 17,600 đồng/cổ phần.



	1M	3M	12M
POW	7.1%	-6.5%	8.3%
VN-Index	-10.0%	-6.1%	-14.6%

Giá hiện tại	28.9.2022	12,850 VND
Giá mục tiêu 12 tháng		17,600 VND
Upside (%)		37.2%
Bloomberg		POW VN
Giá trị vốn hóa		31,966 tỷ VND
Biến động giá 52 tuần (vnd)		11,450-20,150
KLGD (000cp/ngày)		18,118
Giá trị GDBQ ngày (tỷ VND)		273.4
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%)		49.00%
Tỷ lệ SHNN hiện tại (%)		2.78%

Chi tiêu	Đơn vị	2021A	2022F	2023F	2024F	2025F
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	24,561	28,811	36,262	42,377	54,213
- Tăng trưởng doanh thu	%	-17.4%	17.3%	25.9%	16.9%	27.9%
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	2,540	3,283	4,387	4,648	5,950
- Biên lợi nhuận gộp	%	10.3%	11.4%	12.1%	11.0%	11.0%
EBIT	Tỷ đồng	2,849	2,827	3,800	3,903	4,908
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,339	2,458	3,507	3,556	3,662
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,052	2,163	3,051	3,058	3,150
Thu nhập mỗi cp-EPS	Đồng	757	773	1,143	1,136	1,164
Tăng trưởng EPS	%	-18.5%	2.1%	47.9%	-0.6%	2.5%
Cổ tức mỗi cổ phần	Đồng	-	500	500	500	500
Lợi suất cổ tức	%	0.0%	3.7%	3.7%	3.7%	3.7%
P/E	Lần	17.8	17.5	11.8	11.9	11.6
P/B	Lần	1.0	1.0	0.9	0.9	0.8
EV/EBITDA	Lần	19.4	6.0	5.6	6.8	5.2
ROE	%	6.6%	6.8%	9.1%	8.6%	8.3%
ROA	%	3.9%	4.4%	5.4%	4.3%	3.9%

Nguồn: Bloomberg, POW, TTNC MBS tổng hợp và dự báo

Doanh nghiệp sản xuất điện TOP 5 tại Việt Nam

POW xếp thứ 4 các nhà sản xuất điện lớn nhất Việt Nam, sở hữu và vận hành 6 nhà máy điện với tổng công suất là 4,205 MW, trong đó 3 nhà máy nhiệt điện khí (2,700MW), 01 nhà máy nhiệt điện than (1,200 MW) và 02 nhà máy thủy điện công suất 305 MW

Trong giai đoạn 2022-2025, POW tiếp tục đầu tư thêm 02 nhà máy nhiệt điện khí là NT3&4 với tổng công suất 1,500MW. Dự án đã lựa chọn được đơn vị tổng thầu EPC và sẽ thực hiện khởi công sớm trong thời gian tới đây. Dự kiến nhà máy NT3 sẽ đi vào hoạt động thương mại từ 2024, nhà máy NT4 từ 2025. Ngoài ra còn đầu tư khoảng 50MW nguồn điện năng lượng tái tạo.

Trong tháng 11.2021, POW cùng các đối tác cũng thực hiện khởi động dự án Trung tâm điện khí LNG Quảng Ninh với quy mô giai đoạn 1 dự kiến là 1,500 MW với tổng vốn đầu tư gần 2 tỷ USD. Dự án dự kiến đưa vào hoạt động trong giai đoạn 2024-2026, đáp ứng nhu cầu điện của miền bắc.

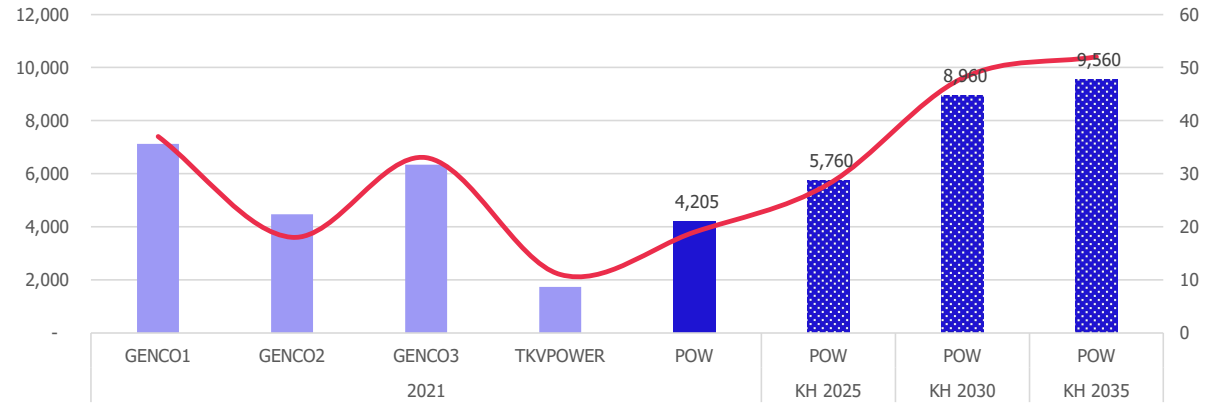
Chiến lược phát triển dài hạn dự kiến đến 2025 tổng công suất là khoảng 5,760MW, đến năm 2030 là 8,960 MW, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực điện khí.

Hiệu quả kinh doanh tốt lên khi khấu hao và nợ vay giảm

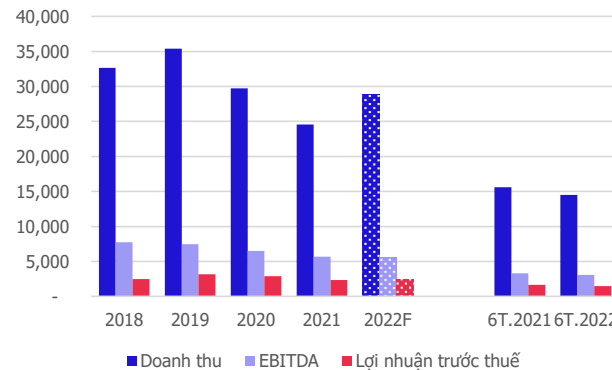
Nhà máy nhiệt điện Cà Mau 1&2 với công suất 1,500MW đã hoạt động được 13 năm, hiện nay phần máy móc thiết bị đã được khấu hao hết, chi phí khấu hao hàng năm còn khoảng 85 tỷ đồng cho công trình xây dựng, bên cạnh đó nợ vay đầu tư cũng đã được trả toàn bộ. Trong năm 2021, công ty đã phối hợp với EVN để chuyển đổi nhà máy sang đối tượng có thể tham gia thị trường điện cạnh tranh. Như vậy với một nhà máy cơ bản đã khấu hao hết, chi phí sản xuất điện thấp sẽ tạo cơ sở công ty có thể tham gia cạnh tranh phát điện tốt, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhà máy điện NT1 cũng đã cơ bản hoàn thành khấu hao và trả nợ, với thuận lợi nằm trong khu vực nhu cầu điện cao, cũng sẽ mang lại hiệu quả tốt hơn trong những năm tới.

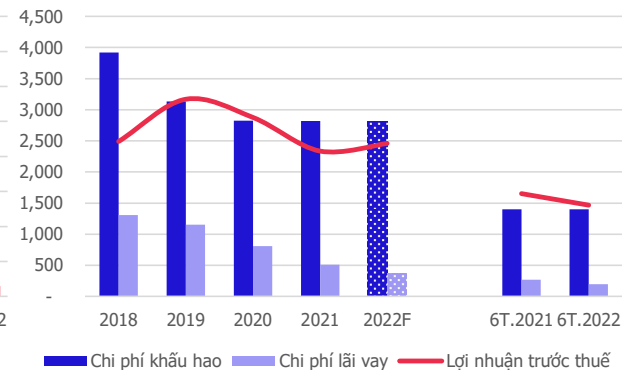
Công suất đặt của POW và một số đơn vị phát điện khác



Doanh thu và Lợi nhuận



Chi phí và lợi nhuận



Nguồn: GENCO1,2,3, TKV POWER, POW, TTNC MBS tổng hợp và dự báo

Hiệu quả kinh doanh tiếp tục tăng lên

Trong 6 tháng đầu năm, mặc dù sản lượng điện đạt thấp (-24.7%/yoy), doanh thu và lợi nhuận lần lượt đạt 14,524 tỷ đồng và 1,468 tỷ đồng, bằng 93% và 89% so với cùng kỳ 2021.

Giá bán điện tăng do chi phí nhiên liệu tăng mạnh, kết hợp với việc chào giá điện tốt trên thị trường điện cạnh tranh, lợi nhuận gộp đạt 1,956 tỷ đồng, bằng 97% cùng kỳ 2021, biên lợi nhuận gộp tăng lên mức 13.5% so với mức 12.9% cùng kỳ 2021.

Chi phí lãi vay giảm mạnh 27% từ xuống 196 tỷ đồng. Chi phí quản lý giảm 14% xuống còn 318 tỷ đồng.

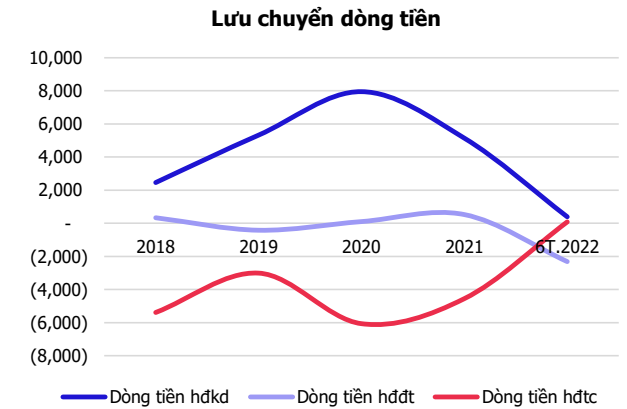
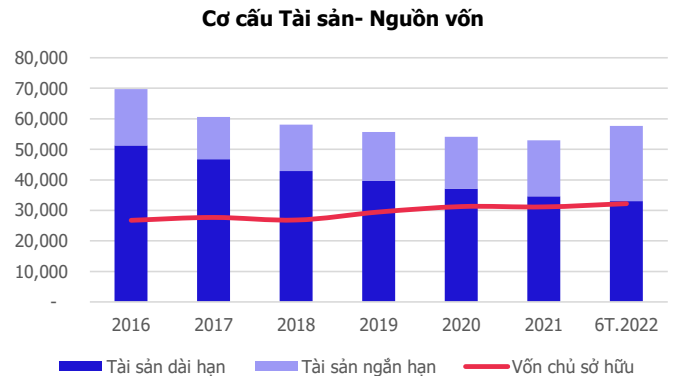
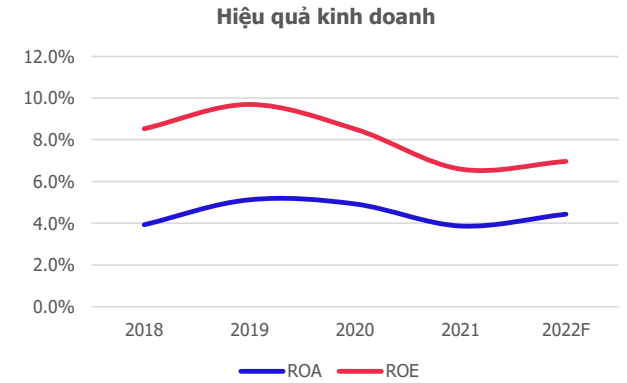
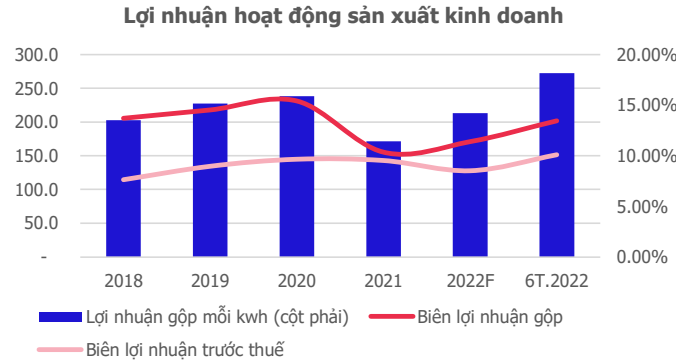
Cho cả năm 2022, chúng tôi dự báo sản lượng điện đạt mức từ 14.6-14.8 tỷ kwh. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 28,811 tỷ đồng và 2,458 tỷ đồng, tăng lần lượt 17% và 5% so với 2021.

Các năm tiếp theo, khi các vấn đề về sự cố nhà máy Vũng Áng 1 được khắc phục, nhu cầu điện thị trường tăng, sản lượng điện của công ty tiếp tục tăng lên trong khi chi phí tài chính khấu hao giảm sẽ mang lại hiệu quả kinh doanh hấp dẫn.

Tình hình tài chính lành mạnh

Tình hình tài chính lành mạnh: Tổng tài sản đến cuối Q2.2022 đạt 57,702 tỷ đồng, trong đó Tiền tương đương tiền và đầu tư tài chính (tiền gửi) đạt 7,135 tỷ đồng (12.4% Tổng tài sản). Nợ phải trả đạt 25,501 tỷ đồng (44.2% Tổng nguồn vốn), trong đó vay nợ ngắn và dài hạn là 8,742 tỷ đồng (15.2% Tổng nguồn vốn), đây là tỷ lệ vay nợ rất an toàn đối với doanh nghiệp phát điện lớn.

Dòng tiền thuần hoạt động kinh doanh hàng năm luôn dương lớn nhờ quản trị tốt hoạt động kinh doanh, khấu hao lớn đảm bảo chất lượng lợi nhuận hàng năm, mặt khác giúp công ty thực hiện trả nợ vay đúng hạn và số dư tiền, tương đương tiền luôn lớn.

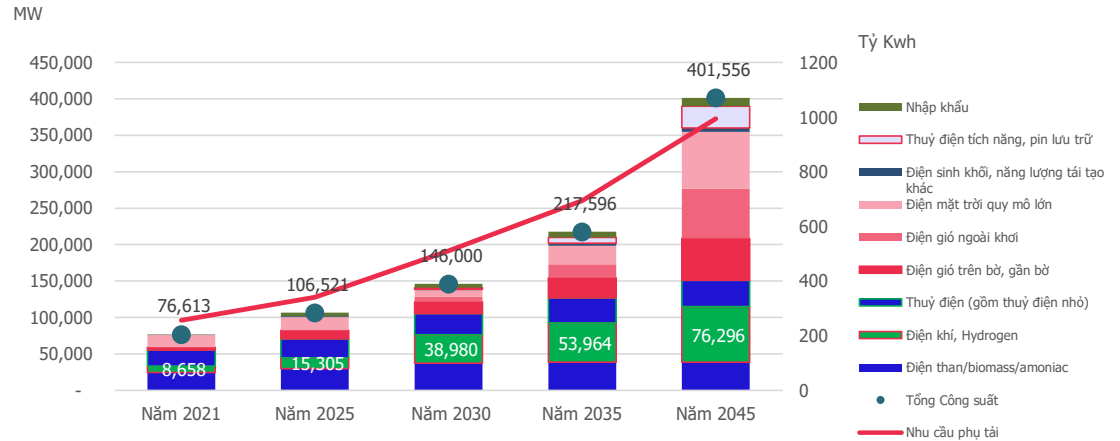


Nguồn: POW, TTNC MBS tổng hợp và dự báo

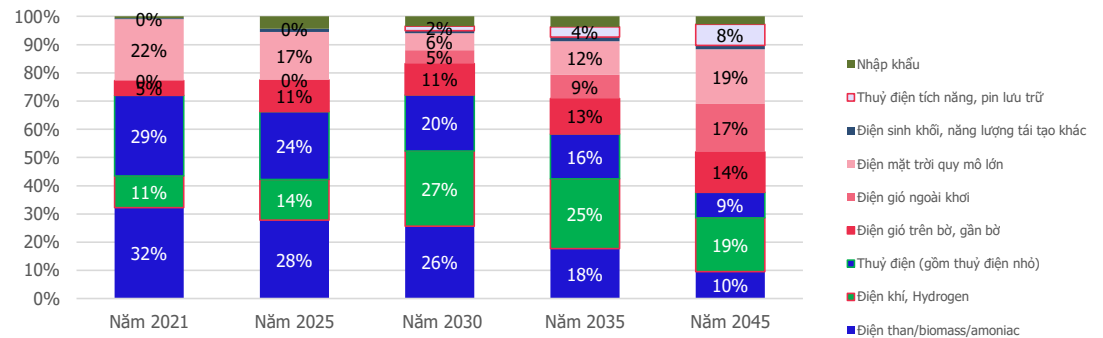
Nhu cầu điện tiếp tục tăng lên trong trung và dài hạn

- Nhu cầu điện tiếp tục tăng lên trong những năm tới:** nhu cầu điện tăng chậm 3.9% trong năm 2021 do tình hình dịch Covid19 diễn biến phức tạp. Từ 2022, chúng tôi cho rằng nhu cầu điện sẽ tăng nhanh hơn lên mức 8-10% khi dịch được kiểm soát, kinh tế hồi phục và phát triển với kế hoạch tăng trưởng GDP từ 6%-6.5%.
- Giai đoạn 2021 - 2025, EVN dự báo 2 kịch bản nhu cầu phụ tải điện:** Phương án cơ sở, tăng trưởng nhu cầu điện khoảng 8,6%/năm và Phương án cao (với kịch bản kinh tế phục hồi mạnh sau COVID-19, đồng thời có xem xét đến khả năng có làn sóng dịch chuyển đầu tư của các doanh nghiệp FDI vào Việt Nam) tăng trưởng 9,4%/năm. Theo EVN, với hai kịch bản tăng trưởng này, hệ thống đảm điện sẽ bảo cung ứng đủ điện trong toàn bộ giai đoạn 2021 – 2025
- Tăng trưởng kép 8.6% giai đoạn 2020-2025 và 7.8% giai đoạn 2025-2030:** Theo Quy hoạch điện VIII đang được xây dựng, dự kiến đến 2025 công suất nguồn và sản lượng điện lần lượt là 97.66 GW và 378.37Twh, đến 2030 là 136GW và 550.73 Twh, lần lượt tăng trưởng kép CAGR là 8.6% và 7.8% từng giai đoạn.

Công suất hệ thống điện và nhu cầu phụ tải theo Dự thảo QHĐ8_4.2022



Cơ cấu Công suất hệ thống điện theo Dự thảo QHĐ8_4.2022



Nguồn: MOIT, EVN, TTNC MBS tổng hợp

Dự phóng kết quả kinh doanh và Định giá

- Năm 2022, Tổng công ty PVPower đặt mục tiêu sản lượng điện cả năm đạt 13.91 tỷ KWh. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2022 lần lượt là 24,242 tỷ đồng và 743 tỷ đồng, giảm tương ứng 3,4% và 61% so với ước tính năm 2021. Đây là kế hoạch kinh doanh khá thận trọng đã được lãnh đạo công ty chia sẻ tại Đại hội đồng cổ đông trong tháng 4.2022, Công ty sẽ nỗ lực thực hiện tốt hơn.
- Chúng tôi dự báo, sản lượng điện của Công ty đạt 14.6-14.8 tỷ kwh, tương đương mức của năm 2021. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế lần lượt đạt 28,811 tỷ đồng và 2,458 tỷ đồng, tăng lần lượt 17% và 5% so với 2021.
- Cho năm 2023, chúng tôi dự báo sản lượng điện sản xuất của công ty sẽ tăng mạnh thêm từ 5.0-5.5 tỷ kwh, tập trung từ nhà máy Vũng Áng 1 và nhà máy Cà Mau 1,2, đưa tổng sản lượng điện lên 19.65 tỷ kwh. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế đạt 36,260 tỷ đồng và 3,510 tỷ đồng, tăng lần lượt 26% và 43% so với 2022.

Định giá cổ phiếu

Kết hợp các Phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền DCF_FCFE, so sánh PE, PB, giá trị cổ phiếu được xác định ở mức 17,600 đồng.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2021	2022F	2023F	2024F	2025F	2026F
Sản lượng điện	Tỷ kwh	14.7	14.6 – 14.8	19.65	20.70	25.5	28.9
Tăng trưởng	%	-23.3%	0.0%	21.1%	5.3%	23.0%	13.5%
Doanh thu	Tỷ đồng	24,561	28,811	36,262	42,377	54,213	62,979
Tăng trưởng doanh thu	%	-17.4%	17.3%	25.9%	16.9%	27.9%	16.2%
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	-22,021	-25,528	-31,875	-37,729	-48,263	-55,439
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	2,540	3,283	4,387	4,648	5,950	7,541
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	690	345	366	329	329	329
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	-653	-430	-333	-366	-1,261	-1,264
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	-9	-11	-14	-16	-20	-23
Chi phí quản lý dn	Tỷ đồng	-131	-749	-918	-1,059	-1,355	-1,449
Lợi nhuận hđ kinh doanh	Tỷ đồng	2,459	2,473	3,522	3,571	3,677	5,169
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,339	2,458	3,507	3,556	3,662	5,154
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,052	2,163	3,051	3,058	3,150	4,432
Lợi nhuận cơ công ty mẹ	Tỷ đồng	1,798	1,861	2,728	2,711	2,777	4,055
Thu nhập mỗi cổ phần	Đồng/cp	757	773	1,143	1,136	1,164	1,710

Kết quả định giá	Giá trị (vnd/cp)
- DCF_FCFE	26,432
- PB	16,253
- PE	10,225
Giá trị trung bình	17,636

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Chi phí vốn bình quân WACC	%	10.82%
Tăng trưởng dòng tiền sau năm 2026	%	1.00%
Hiện giá dòng tiền thuần giai đoạn 2021-2027	tỷ đồng	3,501
Hiện giá dòng tiền sau năm 2027	tỷ đồng	60,281
Tiền và tương đương tiền	tỷ đồng	4,429
Giá trị Công ty	tỷ đồng	68,211
Nợ vay cuối kỳ	Tỷ đồng	6,311
Giá trị vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	61,900
Số lượng cổ phần	triệu cp	2,341.87
Giá trị mỗi cổ phần	đồng	26,432

Nguồn: POW, TTNC MBS tổng hợp và dự báo

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP (HSX: POW)



Kết quả kinh doanh						Hệ số tài chính					
	2021	2022F	2023F	2024F	2025F		2021	2022F	2023F	2024F	2025F
Doanh thu	24,561	28,811	36,262	42,377	54,213	Hệ số lợi nhuận					
Giá vốn hàng bán	-22,021	-25,528	-31,875	-37,729	-48,263	Biên lợi nhuận gộp	10.3%	11.4%	12.1%	11.0%	11.0%
Lợi nhuận gộp	2,540	3,283	4,387	4,648	5,950	EBITDA	7.0%	19.5%	18.2%	16.5%	16.8%
Doanh thu tài chính	690	345	366	329	329	Biên lợi nhuận ròng	7.3%	6.5%	7.5%	6.4%	5.1%
Chi phí tài chính	-653	-430	-333	-366	-1,261	ROE	6.6%	6.8%	9.1%	8.6%	8.3%
Chi phí bán hàng	-9	-11	-14	-16	-20	ROA	3.9%	4.4%	5.4%	4.3%	3.9%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-131	-749	-918	-1,059	-1,355	Hệ số tăng trưởng					
Lợi nhuận kinh doanh thuần	2,459	2,473	3,522	3,571	3,677	Tăng trưởng doanh thu	-17%	17.3%	25.9%	16.9%	27.9%
Lợi nhuận trước thuế	2,339	2,458	3,507	3,556	3,662	Tăng trưởng LNTT	-19%	5.1%	42.7%	1.4%	3.0%
Lợi nhuận sau thuế	2,052	2,163	3,051	3,058	3,150	Tăng trưởng LNST	-24%	3.5%	46.6%	-0.6%	2.4%
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	1,798	1,861	2,728	2,711	2,777	Tăng trưởng EPS	-18%	2.1%	47.9%	-0.6%	2.5%
Lợi nhuận cổ đông thiểu số	254	302	324	347	373	Hệ số thanh khoản					
Tài sản- Nguồn vốn	2021	2022F	2023F	2024F	2025F	Hệ số thanh toán hiện hành	1.69	0.92	0.86	1.00	1.18
Tài sản ngắn hạn	18,420	14,334	16,140	18,424	24,936	Hệ số thanh toán nhanh	1.48	0.79	0.71	0.83	0.99
Tài sản dài hạn	34,557	34,572	40,767	53,287	56,106	Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.41	0.35	0.41	0.50	0.53
Tổng tài sản	52,977	48,906	56,907	71,711	81,042	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0.70	0.54	0.69	1.01	1.15
Nợ phải trả	21,851	17,188	23,211	36,023	43,264	Hệ số đảm bảo chi phí lãi vay	4.36	6.57	11.41	10.65	3.89
I. Nợ phải trả ngắn hạn	16,811	15,555	18,813	18,488	21,116	Hệ số định giá					
II. Nợ phải trả dài hạn	5,040	1,633	4,398	17,536	22,148	Lợi suất cổ tức	0.0%	3.7%	3.7%	3.7%	3.7%
Vốn chủ sở hữu	31,126	31,719	33,696	35,687	37,778	EPS (VND)	757	773	1,143	1,136	1,164
Tổng nguồn vốn	52,977	48,906	56,907	71,711	81,042	BVPS (VND)	13,291	13,544	14,388	15,239	16,131
Lưu chuyển dòng tiền	2021	2022F	2023F	2024F	2025F						
Dòng tiền thuần hđ kinh doanh	5,147	4,108	6,614	6,438	8,049						
Dòng tiền thuần hđ đầu tư	563	-2,857	-8,903	-15,496	-6,888						
Dòng tiền thuần hđ tài chính	-4,555	-5,158	829	9,967	1,442						
Tiền tương đương tiền cuối kỳ	8,224	4,317	2,857	3,765	6,368						

Liên hệ: Phòng Nghiên cứu Khách hàng Tổ chức – Khôi Nghiên cứu

Trưởng Phòng

Hoàng Công Tuấn Tuan.HoangCong@mbs.com.vn

Nhóm nghiên cứu Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vĩ mô

Lê Minh Anh Anh.LeMinh@mbs.com.vn

Nhóm Nghiên cứu Ngành và Cổ phiếu

Năng lượng - Dầu khí

Chu Thế Huỳnh Huynh.ChuThe@mbs.com.vn

Hàng tiêu dùng - Bán lẻ

Phạm Thùy Trang Trang.PhamThuy@mbs.com.vn

Tài chính - Ngân hàng

Đỗ Lan Phương Phuong.DoLan@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Trần Thái Bình Binh.TranThai@mbs.com.vn

Bất động sản - Tài chính

Đình Công Luyện Luyen.DinhCong@mbs.com.vn

Tài chính- Vật liệu xây dựng

Dương Thiện Chí Chi.DuongThien@mbs.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của MBS được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	>=15%
GIỮ	Từ -15% đến +15%
BÁN	<= -15%

MBS SECURITIES

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP, HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác, Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp, Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC), Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei (MS Finance). MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS RESEARCH | TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Copyrights. MBS 2020, ALL RIGHTS RESERVED. Bản quyền năm 2020 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘ SỞ

Tòa Nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội | Tel: +84 24 7304 5688 – Fax: +84 24 3726 2601 | Website: www.mbs.com.vn